

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÔNG SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày 13/12/2024

V/v “Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự
vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thủy

Ông Lê Mậu Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 18/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về “Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1992

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm F thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Mai Hoàng D, sinh năm: 1992

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn A T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng C

Địa chỉ: Số nhà A khu A, thị trấn V, huyện V, Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quốc T1

Địa chỉ: Số nhà A khu A, thị trấn V, huyện V, Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T2, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị Lê Thị T, anh Mai Hoàng D, ông Trịnh Quốc T1 và anh Nguyễn Hoàng L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Ngày 18/4/2023, chị T cùng anh Nguyễn Hoàng L (là chồng chị T) và anh Mai Hoàng D ký hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 36C.27767. Ngày 20/4/2023 tại Văn phòng C có địa chỉ tại SN A khu A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Số công chứng: 967; Quyền số: 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, tiến hành công chứng hợp đồng mua bán chiếc xe BKS: 36C-277.67; Nhãn hiệu: Nissan. Loại: NAVARA; Số khung: MNTCC2D23Z0052377; Số máy : YD25818054T; Màu sơn: Đen.

Theo nội dung hợp đồng giữa 2 bên, anh D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị T số tiền là 400.000.000 đồng. Còn vợ chồng chị T có nghĩa vụ chuyển giao chiếc xe trên cho anh D. Ngày 20/4/2023, anh D đưa cho chị T số tiền là 310.000.000 đồng, chị T cùng anh D đi đến ngân hàng A tắt toán và làm giải chấp chiếc xe trên để làm thủ tục sang tên chiếc xe cho anh D. Số tiền còn lại anh D đã đưa cho vợ chồng tôi. Cùng ngày hôm đó anh D hoàn thành thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên, tuy nhiên đến ngày 10/5/2023 anh D có nhận được thông báo của Cơ quan Công an thành phố T với nội dung chiếc xe trên là vật chứng trong một vụ án hình sự, thuộc diện phải phát mại xung công quỹ nhà nước. Trong lúc làm thủ tục mua bán chiếc xe, vợ chồng chị T nghĩ vì chồng chị T đã chấp hành xong án phạt tù nên chiếc xe trên không còn thuộc diện phải phát mại xung công quỹ nhà nước nữa, do thiếu hiểu biết pháp luật nên mới làm thủ tục sang tên mua bán cho anh D. Để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, nay chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh D và vợ chồng anh L, chị T vô hiệu.

* Bị đơn là anh Mai Hoàng D trình bày tại bản tự khai ngày 28/6/2024:

Ngày 20/4/2023, anh D và vợ chồng anh L, chị T ký hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 tại Văn phòng C, có địa chỉ tại SN A khu A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Số công chứng: 967; Quyền số: 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, tiến hành công chứng hợp đồng mua bán chiếc xe BKS: 36C-277.67; Nhãn hiệu: Nissan. Loại: NAVARA; Số khung: MNTCC2D23Z0052377; Số máy: YD25818054T; Màu sơn: Đen.

Theo hợp đồng đã ký giữa hai bên thì anh D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh L, chị T 400.000.000đ và anh L, chị T có nghĩa vụ giao xe cho anh D. Ngày 20/4/2023, anh D đã đưa cho vợ chồng anh L, chị T 310.000.000đ; đồng thời cùng vợ chồng anh L, chị T đến Ngân hàng A làm thủ tục tắt toán và giải chấp chiếc xe

ô tô để làm thủ tục sang tên. Sau đó, anh D đã đưa số tiền còn lại là 90.000.000đ cho vợ chồng anh L, chị T. Đến ngày 10/5/2023, anh D nhận được thông báo của Công an T về việc chiếc xe ô tô trên là vật chứng trong vụ án hình sự, thuộc diện phải phát mại sung quỹ nhà nước. Sau đó anh D đã báo lại cho vợ chồng anh L, chị T. Do hai bên đã ký hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng công chứng nên để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, anh D đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh D và vợ chồng anh L, chị T vô hiệu. Sau khi chị T làm đơn khởi kiện đến Tòa án, ngày 15/11/2024, chị T đã trả lại cho anh D số tiền 400.000.000đ; đồng thời anh D cũng đã trả lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho chị T.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng công chứng Trịnh Quốc T1 trình bày như sau:

Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 36C-277.67; ngày 20/4/2023 số công chứng: 967; quyển số: 01/2023/TPCC-SCC/HĐGD; giữa bên bán là ông Nguyễn Hoàng L cùng vợ là bà Lê Thị T với bên mua là ông Mai Hoàng D; do Văn phòng C chứng nhận. Các bên đã tự nguyện giao kết. Nay bà T đề nghị tuyên bố “Văn bản công chứng vô hiệu”, Văn phòng C không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Hoàng L trình bày tại bản tự khai ngày 09/8/2024:

Anh L thống nhất với chị T và anh D về hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 36C-277.67 giữa vợ chồng anh L, chị T và anh D.

Trong lúc làm thủ tục mua bán chiếc xe, vợ chồng anh L, chị T nghĩ vì anh L đã chấp hành xong án phạt tù nên chiếc xe trên không còn thuộc diện phải phát mại sung công quỹ nhà nước nữa, do thiếu hiểu biết pháp luật nên mới làm thủ tục sang tên mua bán cho anh D. Để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, anh L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh D và vợ chồng anh L, chị T vô hiệu.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *KSV phát biểu quan điểm*: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn và anh Nguyễn Hoàng L – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS; Văn phòng C; người đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Quốc T1 – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS (được triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải).

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26; a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117;123; 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 giữa vợ chồng anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T và anh Mai Hoàng D vô hiệu.

Công nhận việc anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T đã hoàn trả số tiền 400.000.000đ cho anh Mai Hoàng D; anh Mai Hoàng D đã hoàn trả lại chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 cùng giấy tờ xe cho anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, chị Lê Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa vợ chồng anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T và anh Mai Hoàng D vô hiệu. Do vậy, quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là người có địa chỉ tại thôn A T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôn nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, có cơ sở khẳng định rằng: Ngày 18/4/2023, chị Lê Thị T cùng anh Nguyễn Hoàng L (là chồng chị T) và anh Mai Hoàng D ký hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 36C.27767. Ngày 20/4/2023 tại Văn phòng C có địa chỉ tại SN A khu A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Số công chứng: 967; Quyền số: 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, tiến hành công chứng hợp đồng mua bán chiếc xe BKS: 36C-277.67; Nhãn hiệu: Nissan. Loại: NAVARA; Số khung: MNTCC2D23Z0052377; Số máy: YD25818054T; Màu sơn: Đen.

Theo nội dung hợp đồng giữa 2 bên, anh D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị T số tiền là 400.000.000 đồng. Còn vợ chồng chị T có nghĩa vụ chuyển giao chiếc xe trên cho anh D. Ngày 20/4/2023, anh D đưa cho chị T số tiền là 310.000.000 đồng, chị T cùng anh D đi đến ngân hàng A tắt toán và làm giải chấp chiếc xe trên để làm thủ tục sang tên chiếc xe cho anh D. Sau đó, anh D đã đưa số tiền còn lại là 90.000.000đ cho vợ chồng anh L, chị T. Cùng ngày hôm đó anh D hoàn thành thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên, tuy nhiên đến ngày 10/5/2023 anh D có nhận được thông báo của Cơ quan Công an thành phố T với nội dung chiếc xe trên là vật chứng trong một vụ án hình sự, thuộc diện phải phát mại xung công quỹ nhà nước. Do đó, chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 giữa vợ chồng anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T và anh Mai Hoàng D vô hiệu.

Đến ngày 15/11/2024, chị T đã trả lại cho anh D số tiền 400.000.000đ; đồng thời anh D cũng đã trả lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho chị T.

Xét thấy, theo Bản án số 26/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của TAND TP. Thanh Hóa, anh Nguyễn Hoàng L là bị cáo, nên anh L phải biết Tòa án tuyên giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự TP . kê biên, phát mại chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 vì chiếc xe này là vật chứng của vụ án hình sự. Việc anh L bán chiếc xe ô tô này cho anh D là hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh việc kê biên tài sản, là hành vi vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự được quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Thi hành án dân sự. Do đó, việc mua bán chiếc xe ô tô trên giữa vợ chồng anh L, chị T và anh D đã vi phạm điều cấm của luật nên không có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Mai Hoàng D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117; Điều 123; Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 giữa vợ chồng anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T và anh Mai Hoàng D vô hiệu.

- Công nhận anh Nguyễn Hoàng L, chị Lê Thị T hoàn trả số tiền 400.000.000đ cho anh Mai Hoàng D; anh Mai Hoàng D hoàn trả lại chiếc xe ô tô BKS: 36C-277.67 cùng giấy tờ xe cho anh Nguyễn Hoàng L và chị Lê Thị T.

Về án phí: Anh Mai Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp là 300.000đ tại Biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001548 ngày 23/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Cơ quan THA huyện Đông Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hà